

Số: 60 /2025/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền
của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, ủy quyền, phân cấp trong lĩnh
vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện
pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 2169/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ
cho các hoạt động liên quan đến sản xuất, bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh
Quảng Ninh; Văn bản tiếp thu giải trình số 2318/BC-UBND ngày 08 tháng 7
năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 132/BC-HĐND ngày
10 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý
kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, phạm
vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa
bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử
dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh
Quảng Ninh theo Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm
2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

Điều 2. Nguyên tắc, phạm vi, định mức và sử dụng kinh phí hỗ trợ

1. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa được bố trí sử dụng cho mục đích bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, bảo vệ đất trồng lúa theo các nội dung hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

b) Việc sử dụng kinh phí phải đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan, đúng đối tượng, phạm vi, nội dung và định mức.

c) Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách trong cùng một nội dung, cùng thời điểm hỗ trợ thì chỉ được hưởng một chính sách.

2. Phạm vi hỗ trợ

Hỗ trợ các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

3. Định mức hỗ trợ

Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa được phân bổ cho ngân sách xã, phường, đặc khu theo diện tích đất trồng lúa được phê duyệt với định mức quy định tại Điều 14 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

4. Sử dụng kinh phí hỗ trợ

a) Sử dụng không thấp hơn 40% nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này để hỗ trợ cho người sử dụng đất trồng lúa thực hiện các hoạt động: Sử dụng giống lúa hợp pháp để sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; xây dựng mô hình trình diễn; hoạt động khuyến nông; tổ chức đào tạo, tập huấn, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh số 268/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2020 quy định về nội dung, mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; số 194/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh.

b) Phần kinh phí còn lại được sử dụng cho các hoạt động:

- Cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa; đánh giá tính chất lý, hóa học; xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng vùng đất chuyên trồng lúa theo định kỳ 05 năm/lần; sửa chữa, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã. Nội dung chi, mức chi được lập trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật, được cơ quan chức năng thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

- Hỗ trợ mua bản quyền sở hữu giống lúa được bảo hộ: Hỗ trợ 50% kinh phí mua bản quyền sở hữu giống lúa quốc gia được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận và phù hợp với ứng dụng sản xuất đại trà trên địa bàn Tỉnh, nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/01 loại giống.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết đảm bảo các quy định của pháp luật.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại điểm a khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

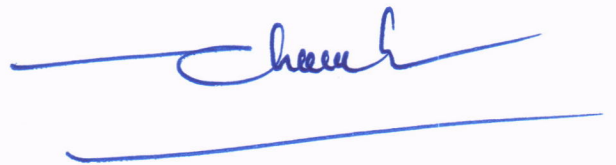
3. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 29 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2025. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Ủy ban CTĐB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Tư pháp, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục kiểm tra văn bản và XLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban và Văn phòng Tỉnh ủy;
- Cơ quan UBMTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Ninh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ10. *h*

CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Minh Thanh